

Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 44

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Tạ Đức Tiến	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2013)
Ông Phan Thanh Tùng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2013)
Ông Lê Minh Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Tùng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2013)
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2013)
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Cự Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Hoan	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phan Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2013

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nee

Am

CH
C
CHI
DE
VI

Số. 147 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là "Tổng Công ty"), từ trang 4 đến trang 44. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1

10
NI
HE
0
T
P.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		14.429.430.710.602	12.036.763.856.766
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.235.853.143.965	5.709.908.975.761
1. Tiền	111		4.068.768.980.873	3.274.350.524.379
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.167.084.163.092	2.435.558.451.382
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	164.164.431.552
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	164.164.431.552
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.490.690.022.865	5.461.424.943.556
1. Phải thu khách hàng	131		5.594.405.236.033	3.526.696.569.773
2. Trả trước cho người bán	132		139.320.361.287	66.730.135.391
3. Các khoản phải thu khác	135	6	1.776.930.422.655	1.895.482.917.896
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(19.965.997.110)	(27.484.679.504)
IV. Hàng tồn kho	140	7	605.785.407.567	578.670.090.489
1. Hàng tồn kho	141		609.544.394.067	582.429.076.989
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.758.986.500)	(3.758.986.500)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		97.102.136.205	122.595.415.408
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		50.629.189.561	23.504.369.922
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		25.654.290.378	81.776.377.418
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3.437.484.786	2.911.603.713
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		17.381.171.480	14.403.064.355
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		9.757.100.916.372	9.186.229.504.324
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	155.728.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		685.772.574	565.357.637
2. Phải thu dài hạn khác	218		579.245.564	597.459.983
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.265.018.138)	(1.007.089.620)
II. Tài sản cố định	220		5.802.251.546.845	6.247.450.565.457
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	5.519.915.324.171	5.942.359.433.608
- Nguyên giá	222		10.165.626.529.210	10.140.220.502.467
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.645.711.205.039)	(4.197.861.068.859)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	6.842.535.041	10.115.310.754
- Nguyên giá	228		32.285.734.539	32.027.780.837
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.443.199.498)	(21.912.470.083)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	275.493.687.633	294.975.821.095
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.452.485.547.785	2.384.197.831.468
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	3.207.613.781.151	2.110.022.303.387
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	261.177.327.016	289.617.137.416
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(16.305.560.382)	(15.441.609.335)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		502.363.821.742	554.425.379.399
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	499.650.700.523	515.848.455.468
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	22	-	35.935.266.075
2. Tài sản dài hạn khác	268		2.713.121.219	2.641.657.856
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		24.186.531.626.974	21.222.993.361.090

102-C
NH
Y
UUA
TE
AM
SCHI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		15.475.325.579.659	13.346.493.203.056
I. Nợ ngắn hạn	310		12.154.629.549.452	9.506.045.395.701
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	1.014.203.308.990	1.249.669.361.067
2. Phải trả người bán	312		3.183.966.700.835	3.032.213.113.829
3. Người mua trả tiền trước	313		1.854.577.318.855	1.364.395.967.604
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	298.835.503.071	467.207.387.623
5. Phải trả người lao động	315		190.350.788.071	400.977.190.614
6. Chi phí phải trả	316	17	3.397.316.780.640	904.062.287.055
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	1.979.679.552.551	1.933.771.579.266
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		235.699.596.439	153.748.508.643
II. Nợ dài hạn	330		3.320.696.030.207	3.840.447.807.355
1. Phải trả dài hạn người bán	331	19	265.071.740.439	331.339.675.549
2. Phải trả dài hạn khác	333		18.418.371.250	18.398.683.429
3. Vay và nợ dài hạn	334	20	2.853.409.191.884	3.346.779.515.980
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	22	39.866.794.237	-
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337	21	143.929.932.397	143.929.932.397
B. NGUỒN VỐN (400= 410+430)	400		7.149.785.382.541	6.245.953.117.234
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	7.149.767.144.834	6.245.916.641.823
1. Vốn điều lệ	411		4.467.004.210.000	2.978.020.940.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		39.546.211.515	486.222.151.515
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.864.265.704	11.368.196.468
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.130.228.609.965	1.031.486.370.844
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		213.709.031.335	170.147.073.368
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		194.468.349	194.468.349
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.297.220.347.966	1.568.477.441.279
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		18.237.707	36.475.411
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		18.237.707	36.475.411
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	24	1.561.420.664.774	1.630.547.040.800
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+500)	440		24.186.531.626.974	21.222.993.361.090

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại
 Đô la Mỹ (USD)
 Đồng Euro (EUR)
 Bảng Anh (GBP)

30/6/2013

31/12/2012

44.358.379
 18.548
 150

(Signature)

(Signature)



Nguyễn Quang Chánh
 Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường
 Kế toán trưởng

Phan Thanh Tùng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
			đến 30/6/2013	đến 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	11.624.955.504.885	11.429.150.178.060
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	423.147.543	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	11.624.532.357.342	11.429.150.178.060
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	10.607.371.531.754	10.501.976.574.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		1.017.160.825.588	927.173.603.560
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	125.210.336.943	221.992.392.415
7. Chi phí tài chính	22	30	113.439.993.969	190.098.892.093
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		82.888.477.777	117.095.610.775
8. Chi phí bán hàng	24		68.321.400.101	27.686.232.668
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		294.431.425.165	289.479.869.654
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		666.178.343.296	641.901.001.560
11. Thu nhập khác	31	31	58.344.144.408	55.507.734.136
12. Chi phí khác	32	32	22.561.911.726	31.697.766.880
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		35.782.232.682	23.809.967.256
14. Lợi nhuận thuần từ các công ty liên kết, liên doanh	45	33	125.431.739.764	127.547.179.683
15. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)	50		827.392.315.742	793.258.148.499
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	158.984.603.489	203.496.590.728
17. Chi phí/ (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	22	75.802.060.312	(45.394.843.362)
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		592.605.651.941	635.156.401.133
<i>Phân phối cho:</i>				
Lợi ích của cổ đông của Tổng Công ty			542.204.283.143	590.018.883.514
Lợi ích của cổ đông thiểu số		24	50.401.368.798	45.137.517.619
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	60	35	1.327	1.981

Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng

Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2013



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	827.392.315.742	793.258.148.499
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	492.463.998.235	646.053.703.571
Các khoản dự phòng	03	(6.396.802.829)	(23.929.684.810)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.152.412.769	8.904.188.210
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(104.837.112.222)	(180.342.031.329)
Chi phí lãi vay	06	82.888.477.777	117.095.610.775
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.293.663.289.472	1.361.039.934.916
Biến động các khoản phải thu	09	(2.163.352.560.410)	529.366.862.235
Biến động hàng tồn kho	10	(27.115.317.078)	(121.001.824.910)
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.760.061.335.337	(1.914.485.538.944)
Biến động chi phí trả trước	12	(10.927.064.694)	38.910.614.691
Tiền lãi vay đã trả	13	(193.463.498.821)	(131.378.454.216)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(288.887.650.628)	(381.014.399.302)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	113.054.059	91.935.728
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(79.140.610.806)	(58.426.022.414)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.290.950.976.431	(676.896.892.216)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định	21	(118.689.253.287)	(175.580.502.599)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	651.721.678	553.031.468
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	196.237.074.551	30.445.566.439
4. Đầu tư vào các công ty khác và đầu tư dài hạn khác	25	(1.113.024.433.192)	(42.489.120.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	71.557.196.151	66.654.116.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	120.429.246.451	358.518.491.977
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(842.838.447.648)	238.101.583.285
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	1.042.307.330.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.500.000.000	1.014.879.566.580
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(544.034.220.843)	(496.470.602.037)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(448.386.956.950)	(287.492.745.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	53.386.152.207	230.916.219.043
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	501.498.680.990	(207.879.089.888)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	5.709.908.975.761	6.082.192.147.002
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	24.445.487.214	(40.352.204.054)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	6.235.853.143.965	5.833.960.853.060

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền mua tài sản cố định và dài hạn khác không bao gồm số tiền 573.567.827.251 đồng là giá trị tài sản mua sắm trong kỳ chưa thanh toán cho người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 630.122.492.816 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng được trả điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 382.606.031.323 đồng là khoản cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 312.698.880.173 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu không bao gồm 446.675.940.000 đồng là số tăng vốn bằng thặng dư vốn cổ phần.

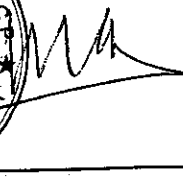
Các giao dịch này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển trong kỳ và vì vậy, không được trình bày trong báo cáo trên đây.



Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2013 *van*

00-
NHÀ:
G T
ENH
DIT
NA
HC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015198 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 5 số 0100150577 ngày 03 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PVN”) là cổ đông chính và là công ty mẹ của Tổng Công ty. Công ty mẹ và các công ty con sau đây được gọi chung là “Tổng Công ty”.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 6.461 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 6.626 người).

Tổng Công ty có 12 công ty con và các chi nhánh trực thuộc như sau:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Hàng hải PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí biển PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa
- Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ
- Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu khí
- Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát Công trình ngầm PTSC
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ
- Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV
- Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng PTSC
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Long Phú
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Quảng Bình

Hoạt động chính

Kinh doanh dịch vụ dầu khí; Quản lý, kinh doanh, khai thác các tàu dịch vụ dầu khí; Dịch vụ căn cứ Cảng; Dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hoá; Quản lý kinh doanh và khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa và xử lý dầu (FPSO); Quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí; Chế tạo và lắp đặt các loại bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các loại đường ống dẫn dầu, dẫn khí; Sửa chữa tàu biển và các công trình dầu khí biển; Dịch vụ khảo sát địa vật lý, địa chất công trình, dịch vụ lặn, khảo sát công trình ngầm bằng thiết bị ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và các công trình công nghiệp, dân dụng; Bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi; Xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư dầu khí; Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; Kinh doanh khách sạn và văn phòng làm việc; Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; Dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và cứu hộ; Kinh doanh các sản phẩm dầu khí và phân đạm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

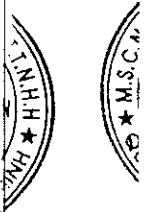
Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ hoạt động cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



[Handwritten signature]

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty mẹ lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung và chi phí dịch vụ mua ngoài, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

CH
CI
CH
E
VI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc, thiết bị	3 – 20
Phương tiện vận tải	5 – 10
Thiết bị quản lý	3 – 10
Tài sản khác	4 - 14

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các phần mềm quản lý và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành thì không tính khấu hao. Phần mềm quản lý được khấu hao trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cấp có thẩm quyền.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng, chênh lệch do xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích chuyển đổi các công ty con và chi nhánh và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời gian sử dụng của lô đất.

Tiền thuê đất phản ánh số tiền thuê 264.985 m² đất trả trước cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (UDEC) để sử dụng vào mục đích xây dựng Cảng Đạm và Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ với thời hạn 25 năm. Khoản tiền thuê đất này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm căn cứ vào tình hình thực tế sử dụng.

Tiền thuê văn phòng trả trước liên quan đến việc thuê văn phòng Tổng Công ty tại tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn với thời hạn 50 năm bắt đầu từ tháng 10 năm 2010. Tổng Công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Chênh lệch do xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích chuyển đổi các công ty con và chi nhánh được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ 2 năm đến 10 năm kể từ khi các công ty này đi vào hoạt động chính thức theo hình thức công ty cổ phần.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng thực tế.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

500
NH
IG
HỆM
ĐT
TN
P.H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được lập khi vốn góp thực tế của Công ty mẹ vào các công ty nhận đầu tư lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên tại các công ty này.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi (trừ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh).

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

02
/H
Y
/JUI
TE
M
/011

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng tài sản cố định cho năm tài chính trước khi được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (được vốn hóa); chi phí đi vay phát sinh sau khi tài sản đã đưa vào sử dụng, kinh doanh được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp phản ánh tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì lợi nhuận thuần không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

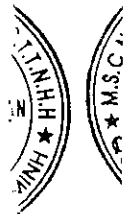
Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	9.259.337.670	15.855.124.979
Tiền gửi ngân hàng	4.059.326.444.340	3.258.396.562.997
Tiền đang chuyển	183.198.863	98.836.403
Các khoản tương đương tiền	<u>2.167.084.163.092</u>	<u>2.435.558.451.382</u>
	<u>6.235.853.143.965</u>	<u>5.709.908.975.761</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gửi dưới 3 tháng với lãi suất từ 6% đến 7,5%/năm. Tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm số tiền 2.908.125.219 đồng là khoản được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tổng Công ty.

6. PHẢI THU KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	135.242.585.846	135.242.585.846
Công ty Saipem Asia Sdn Bhd	12.266.110.006	12.305.607.656
Ban quản lý dự án nhiệt điện Long Phú - Sông Hậu	556.284.941.100	542.635.104.180
Công ty TNHH MTV Điều hành TD KT DK trong nước (Lô 05.1a)	146.524.992.188	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ Phần Dầu khí Việt Nam	-	224.157.274.969
Liên doanh dầu khí Việt Nga	17.980.753.275	163.922.581.801
Công ty Eni Vietnam B.V. tại Tp HCM Lô 114	41.112.409.631	-
Công ty liên doanh Điều hành Cửu Long	130.379.544.489	-
Gulf Marine Far East (Pte) Ltd	9.877.258.994	25.338.529.533
Talisman Malaysia Limited	18.534.819.600	14.416.183.512
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	59.813.443.724	25.826.720.000
Công ty CPĐPT Điện tử Viễn Thông.	11.516.550.273	11.516.550.273
PVEP Overseas Exploration Production Operating Co.,Ltd	9.097.799.325	12.311.143.165
Công ty Cổ phần đóng mới và sửa chữa tàu Dầu khí Nhom Trạch	230.819.875.570	230.819.875.570
CGGVeritas Services SA	21.386.724.613	160.412.870.050
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	150.203.546.586	199.548.256.261
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	24.152.331.181	56.512.885.017
Phải thu về doanh thu trích trước dự án FSO BD01	41.625.862.073	-
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited	28.211.823.670	-
Mitra Energy (Vietnam Tho Chu) Pte Ltd	10.089.598.273	1.415.594.459
Posh Semco PTE LTD	9.272.852.273	-
Origin Energy (Song Hong) PTE Limited	8.031.300.000	-
Japan Vietnam Petroleum Company Limited	13.322.694.878	-
Chi nhánh Tổng Cty Khí VN - Công ty Điều hành Đường ống Lô B-Ô Môn	8.000.000.000	8.000.000.000
Phải thu khác	83.182.605.087	71.101.155.604
	<u>1.776.930.422.655</u>	<u>1.895.482.917.896</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Khoản phải thu từ Công ty Saipem Asia Sdn Bhd là khoản tiền liên quan đến dịch vụ đại lý tàu biển mà Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí đã chi hộ cho Saipem Asia Sdn Bhd.

Khoản phải thu từ Ban Quản lý Dự Án Điện Lực Dầu Khí Long Phú Sông Hậu - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm thu từ doanh thu theo tiến độ hoàn thành nghiệm thu công trình từ cột mốc 1 đến mốc 8 và các khoản phải thu từ doanh thu cho thuê phòng trọ, điện nước cho nhân sự thi công của các nhà thầu phụ.

Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch thể hiện khoản phải thu liên quan đến việc chuyển giao giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch mà Tổng Công ty nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") theo Nghị quyết số 7090/NQ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Nghị quyết số 2047/NQ-DVKT-HDQT ngày 5 tháng 7 năm 2011 của Tổng Công ty. Khoản phải thu này có thể được điều chỉnh và được bù trừ với khoản công nợ phải trả liên quan đến dự án này cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (xem Thuyết minh 18) sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.

Phải thu khác từ Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất thể hiện khoản phải thu tiền chuyển nhượng 15 triệu cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với khoản công nợ phải trả liên quan đến dự án này cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (xem Thuyết minh 18) sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.

Khoản phải thu Công ty TNHH Gulf Marine Far East (Pte) là khoản phải thu về phần nhiên liệu chưa sử dụng hết trên tàu, khoản này sẽ được trả cho Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí.

Khoản phải thu Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam gồm số tiền trích trước doanh thu liên quan tới hợp đồng Khảo sát địa chấn 2D liên kết các bể trầm tích trên thềm lục địa Việt Nam.

Khoản phải thu Công ty liên doanh Điều hành Cứu Long và Công ty TNHH MTV Điều hành TD KT DK trong nước là số tiền trích trước doanh thu liên quan tới dịch vụ khảo sát và thu nổ địa chấn 3D.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi trên đường	4.823.052.313	2.923.381.299
Nguyên liệu, vật liệu	118.436.438.149	121.929.086.638
Công cụ, dụng cụ	10.084.202.477	11.434.049.855
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	475.754.593.059	445.703.875.028
Hàng hóa	446.108.069	438.684.169
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>609.544.394.067</u>	<u>582.429.076.989</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(3.758.986.500)</u>	<u>(3.758.986.500)</u>
	<u><u>605.785.407.567</u></u>	<u><u>578.670.090.489</u></u>

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú với giá trị là 266.751 triệu đồng và Dự án Bio Ethanol với giá trị là 136.475 triệu đồng.

250
 HI N
 CÓN
 NH
 EL
 HÉT
 TP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	2.890.663.854.425	1.118.773.227.280	6.032.970.032.772	94.508.011.993	3.305.375.997	10.140.220.502.467
Mua sắm mới	479.627.861	18.602.914.639	9.643.861.272	5.177.185.544	26.880.000	33.930.469.316
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	(5.385.262.003)	36.078.292.486	16.515.371.385	-	-	47.208.401.868
Tăng khác	300.000.000	-	-	316.363.621	-	616.363.621
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.213.590.405)	-	-	-	(3.213.590.405)
Tài sản đem đi góp vốn	-	-	(11.209.938.000)	-	-	(11.209.938.000)
Điều chỉnh giảm theo Thông tư 45	(806.357.906)	(13.089.542.088)	(54.636.363)	(24.688.418.574)	(357.056.773)	(38.996.011.704)
Giảm khác	-	(110.010.436)	(2.777.657.527)	-	(41.999.990)	(2.929.667.953)
Tại ngày 30/6/2013	2.885.251.862.377	1.157.041.291.476	6.045.087.033.539	75.313.142.584	2.933.199.234	10.165.626.529.210
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	1.172.295.227.699	408.478.933.539	2.553.050.147.004	63.150.902.098	885.858.519	4.197.861.068.859
Trích khấu hao	90.897.184.259	79.483.717.498	308.811.318.179	9.310.288.164	249.657.231	488.752.165.331
Tăng khác	996.395.749	-	-	798.935.519	-	1.795.331.268
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.206.712.244)	-	-	-	(3.206.712.244)
Điều chỉnh giảm theo Thông tư 45	(658.160.953)	(9.004.545.236)	(46.494.628)	(19.592.658.610)	(88.984.156)	(29.390.843.583)
Giảm khác	-	(1.089.426.910)	(8.978.457.694)	-	(31.919.988)	(10.099.804.592)
Tại ngày 30/6/2013	1.263.530.646.754	474.661.966.647	2.852.836.512.861	53.667.467.171	1.014.611.606	4.645.711.205.039
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2013	1.621.721.215.623	682.379.324.829	3.192.250.520.678	21.645.675.413	1.918.587.628	5.519.915.324.171
Tại ngày 31/12/2012	1.718.368.626.726	710.294.293.741	3.479.919.885.768	31.357.109.895	2.419.517.478	5.942.359.433.608

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 và Thuyết minh số 20, Tổng Công ty đã thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 4.030.985 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.083.840 triệu đồng) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 2.134.402 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.901.539 triệu đồng).

Các tài sản Tổng Công ty đang quản lý, theo dõi và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC được ghi giảm tài sản với tổng nguyên giá là 38.996.011.744 đồng.

Theo Quyết định số 7090/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã quyết định chuyển giao cho Tổng Công ty làm chủ Đầu tư dự án Khu Công nghiệp Tàu thủy Nghi Sơn - Thanh Hóa từ Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, việc chuyển nhượng dự án này từ Tập đoàn Dầu khí VN chưa được thực hiện.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy tính <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	1.310.220.000	30.717.560.837	32.027.780.837
Mua trong kỳ	-	477.850.000	477.850.000
Tặng khác	-	25.533.000	25.533.000
Điều chỉnh giảm theo Thông tư 45	-	(20.500.000)	(20.500.000)
Giảm khác	-	(224.929.298)	(224.929.298)
Tại ngày 30/6/2013	<u>1.310.220.000</u>	<u>30.975.514.539</u>	<u>32.285.734.539</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	-	21.912.470.083	21.912.470.083
Khấu hao trong kỳ	-	3.711.832.904	3.711.832.904
Tặng khác	-	25.533.000	25.533.000
Điều chỉnh giảm theo Thông tư 45	-	(20.500.000)	(20.500.000)
Giảm khác	-	(186.136.489)	(186.136.489)
Tại ngày 30/6/2013	-	<u>25.443.199.498</u>	<u>25.443.199.498</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2013	<u>1.310.220.000</u>	<u>5.532.315.041</u>	<u>6.842.535.041</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>1.310.220.000</u>	<u>8.805.090.754</u>	<u>10.115.310.754</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

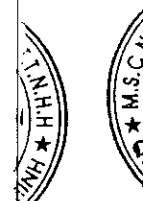
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Cảng Phước An	210.343.558.531	203.608.667.358
Trung tâm thương mại Đà Nẵng	-	22.301.599.342
PTSC Tower Vũng tàu	8.620.653.020	8.637.308.668
Dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời	22.964.570.962	22.786.164.935
Phần mềm Quản lý nhân sự tiền lương	1.079.746.500	1.079.746.500
Hệ thống công trực của Nhà xưởng chế tạo sà	-	10.306.143.677
Nhà xưởng chế tạo sà	-	9.123.699.653
Cầu tháp 16 tầng	7.200.000.000	7.200.000.000
Nhà công vụ Cảng Hòn La	9.981.331.425	6.983.441.881
VP làm việc PTSC Hà Nội	5.860.736.570	-
Nhà xưởng Công ty Tàu	1.470.145.614	-
Xây dựng phòng thí nghiệm	2.387.492.935	-
Cải tạo nhà sinh hoạt của dự án nhà máy đóng tàu Nghi Sơn để cho thuê	1.832.770.916	-
Cải tạo văn phòng cho thuê tại PTSC Thanh Hóa	1.260.230.851	-
Xây dựng cơ bản dở dang khác	2.492.450.309	2.949.049.081
	275.493.687.633	294.975.821.095

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %		Hoạt động chính
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ khí Hàng hải PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Việt Nam	95,19	95,19	Thương mại, xây dựng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí biển PTSC	Việt Nam	84,95	84,95	Vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Việt Nam	54,69	54,69	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đinh Vũ	Việt Nam	50,61	50,61	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khách sạn
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu Khí	Việt Nam	43,35	43,35	Dịch vụ Công nghệ thông tin
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm dầu khí PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khảo sát và công trình ngầm
Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn 2D, 3D
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Việt Nam	59,61	59,61	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An	Việt Nam	56,82	56,82	Dịch vụ căn cứ cảng

Mặc dù Công ty mẹ không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu Khí, nhưng theo thỏa thuận, Công ty mẹ vẫn được quyền bổ nhiệm và miễn nhiệm phần lớn các thành viên Ban Giám đốc điều hành hoạt động của công ty con. Theo đó, Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu Khí vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu Khí được hợp nhất như công ty con trong báo cáo tài chính này.



Handwritten signature or initials.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1039/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 07 tháng 12 năm 2012 về việc thành lập Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình và Quyết định số 02/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 04 tháng 01 năm 2013 về việc giải thể Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình. Theo đó, Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình đã chính thức hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2013.

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC đã chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với 100% vốn sở hữu thuộc Công ty mẹ theo Quyết định số 319/2013/QĐ-CKHH-HĐQT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ Khí Hàng Hải PTSC đã hoạt động theo hình thức công ty TNHH với vốn điều lệ đã góp là 628.160.788.070 đồng.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Giá trị khoản đầu tư gốc	2.633.990.253.787	1.660.165.515.787
Phần kết quả thuần của các công ty liên kết, liên doanh:		
Lũy kế các năm trước	449.856.787.600	513.345.459.167
Lợi nhuận được chia trong kỳ	125.431.739.764	195.942.543.565
Trừ: Cổ tức được chia	(1.665.000.000)	(259.431.215.132)
	<u>3.207.613.781.151</u>	<u>2.110.022.303.387</u>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên công ty	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %		Hoạt động chính
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	Singapore	33,00	33,00	Dịch vụ dầu khí Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited (i)	Malaysia	49,00	49,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (ii)	Malaysia	60,00	60,00	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	37,00	37,00	Dịch vụ dầu khí
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (v)	Việt Nam	42,05	42,05	Dịch vụ căn cứ cảng Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Việt Nam	28,75	28,75	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Liên doanh PTSC SEA (iii)	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Liên doanh PTSC AP (iv)	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà (vi)	Việt Nam	49,95	30,85	Dịch vụ căn cứ cảng

- (i) Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (gọi tắt là "MVOT") là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Công ty mẹ và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard từ năm 2009 để đầu tư kho nổi FSO "Orkid" sức chứa 650.000 thùng dầu để cho khách hàng Talisman Malaysia Limited thuê trong vòng 10 năm, phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chôn lún thương mại PM-3 giữa Việt Nam và Malaysia. Kho nổi FSO "Orkid" đã đi vào hoạt động từ năm 2009.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- (ii) Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Công ty mẹ và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhad từ năm 2009, trong đó Công ty mẹ chiếm 60% vốn để sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu FPSO “Ruby II” phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của khách hàng Petronas. Từ tháng 6 năm 2010, kho nổi “FPSO Ruby II” đã bắt đầu hoạt động và đưa vào vận hành khai thác.
- (iii) Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (gọi tắt là “PTSC SEA”) là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập trong tháng 9 năm 2011 bởi Công ty mẹ cùng với đối tác Yinson Holdings Berhad (Malaysia) theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHĐT-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31 tháng 10 năm 2011 để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu (FSO) phục vụ Dự án Biển Đông 1. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 Đô la Mỹ, tương đương 3.071.478 triệu đồng, trong đó vốn góp là 37.329.582 Đô la Mỹ chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó vốn góp của Công ty mẹ là 19.038.087 Đô la Mỹ, tương đương 391.613 triệu đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Hoạt động của liên doanh là đầu tư và sở hữu FSO “PTSC Biển Đông 01”; cho PTSC thuê tàu trần FSO; tiếp thị và cho thuê tàu sau khi hết hạn hợp đồng; các nội dung công việc khác theo điều lệ công ty. PTSC SEA đã đi vào hoạt động từ năm 2011. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2013, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC SEA là 13.387.500 Đô la Mỹ, tương đương 278.622.307.500 đồng.
- (iv) Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong năm 2012 bởi Công ty mẹ cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHĐT-DTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu (FPSO) cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn (Lam Son JOC) thuê phục vụ phát triển lô 01/97 và lô 02/97 thuộc vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 399.988.087 Đô la Mỹ, tương đương 8.319.752.209.600 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 Đô la Mỹ chiếm 30% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Công ty mẹ góp là 61.198.177 Đô la Mỹ, tương đương 1.272.922.081.600 đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2013, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC AP là 51.000.000 Đô la Mỹ, tương đương 1.069.026.300.000 đồng.
- (v) Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình (PVSB) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 49121000147 ngày 27 tháng 9 năm 2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Hoạt động chính của PVSB là khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai Bến Đình, khai thác cụm cảng container, sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí; đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất; kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội bộ; cho thuê các thiết bị vận tải, kho bãi. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn vào PVSB là 210.230.500.000 đồng.
- (vi) Công ty Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà là Công ty cổ phần được thành lập từ vốn góp của Công ty mẹ, Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng và một cá nhân khác theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0401539487 cấp ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Công ty có vốn điều lệ là 250.000.000.000 đồng, trong đó vốn góp của Công ty mẹ là 124.875.000.000 đồng, tương đương 49,95% vốn điều lệ của Công ty. Các bên đang trong quá trình thực hiện góp vốn và đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn bằng tài sản vào Công ty Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà với giá trị là 11.209.938.000 đồng.

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cho vay Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	119.394.283.306	147.834.093.706
Đầu tư góp vốn vào công ty cổ phần khác	141.783.043.710	141.783.043.710
	<u>261.177.327.016</u>	<u>289.617.137.416</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	<u>(16.305.560.382)</u>	<u>(15.441.609.335)</u>
	<u>244.871.766.634</u>	<u>274.175.528.081</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Khoản cho vay Công ty Liên doanh Ròng Đồi MV12 được hưởng lãi suất BBA LIBOR cộng biên độ cố định và sẽ được hoàn trả hết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khoản cho vay nói trên được thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh với Công ty Liên doanh Ròng Đồi MV Pte, Ltd. và không có bảo đảm. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, số dư khoản cho vay này tương đương 5.550.827,15 Đô la Mỹ.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuê đất tại Cảng đạm Phú Mỹ	2.276.027.500	3.233.579.490
Thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn	320.038.266.415	322.189.992.967
Thuê đất tại Khu kinh tế Đình Vũ	127.102.761.761	132.324.625.979
Chênh lệch do xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển đổi các công ty con và chi nhánh	-	37.944.750.000
Đánh giá lại công cụ dụng cụ khi chuyển sang công ty cổ phần	-	819.891.774
Chi phí lên dock tàu Bình Minh 02	18.724.909.891	-
Chi phí thiết bị tàu Amadeus	9.258.479.338	-
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	22.250.255.618	19.335.615.258
	<u><u>499.650.700.523</u></u>	<u><u>515.848.455.468</u></u>

Tiền thuê đất phản ánh số tiền thuê 264.985 m² đất trả trước cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (UDEC) để sử dụng vào mục đích xây dựng Cảng Đạm và Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ với thời hạn 25 năm. Khoản tiền thuê đất này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm căn cứ vào tình hình thực tế sử dụng. Thời gian phân bổ còn lại là 3 năm.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn bắt đầu từ tháng 10 năm 2010, thời hạn thuê 50 năm. Tổng Công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ đã thực hiện thuê 138.269 m² đất tại khu kinh tế Đình Vũ – Hải Phòng của Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ (nay là Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ) với mục đích đầu tư xây dựng Căn cứ Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí và Cảng phục vụ Khu công nghiệp. Thời hạn thuê đất từ tháng 10 năm 2007 đến tháng 4 năm 2047. Giá trị quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ tháng 7 năm 2008 đến hết thời hạn của hợp đồng thuê đất.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn từ Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt nam (PVFC)	-	228.630.275.888
Vay dài hạn đến hạn trả	1.014.203.308.990	1.021.039.085.179
	<u><u>1.014.203.308.990</u></u>	<u><u>1.249.669.361.067</u></u>

Thực hiện theo Công văn số 6351/DKVN-KH ngày 19 tháng 7 năm 2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chuyển nhượng công trình kho nổi chứa dầu FSO5, Công ty mẹ đã hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng FSO5 cho Liên doanh Dầu khí Việt – Nga (“Vietsovpetro”) trong năm 2011. Theo thỏa thuận, Công ty mẹ đồng thời đã chuyển toàn bộ nợ vay dài hạn gốc Đô la Mỹ từ PVFC phục vụ dự án này sang cho Vietsovpetro. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, toàn bộ số dư nợ gốc 58.055.765,75 Đô la Mỹ (tương đương 1.224.976.657.325 đồng) phải trả cho PVFC đã được chuyển giao cho Vietsovpetro theo hình thức cản trừ với khoản phải thu Vietsovpetro phát sinh từ việc nhận chuyển nhượng công trình này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	166.460.287.397	125.449.467.579
Thuế xuất, nhập khẩu	-	22.679.546
Thuế thu nhập doanh nghiệp	70.192.684.939	199.426.342.755
Thuế thu nhập cá nhân	14.497.222.884	4.937.323.237
Các loại thuế khác	47.685.307.851	137.371.574.506
	<u>298.835.503.071</u>	<u>467.207.387.623</u>

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	125.449.467.579	507.703.514.309	466.692.694.491	166.460.287.397
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	50.580.112.381	50.580.112.381	-
Thuế xuất nhập khẩu	22.679.546	16.970.181.839	16.992.861.385	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	196.603.806.418	159.064.036.490	288.887.650.628	66.780.192.280
Thuế thu nhập cá nhân	19.969.569.329	93.605.503.846	99.102.842.418	14.472.230.757
Thuế nhà đất	-	7.893.957.626	7.893.957.626	-
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
Các loại thuế khác	117.402.005.177	252.067.706.150	321.784.403.485	47.685.307.842
Các khoản phí, lệ phí	-	379.306.004	379.305.995	9
Các khoản khác	4.848.255.861	352.326.763	5.200.582.624	-
	<u>464.295.783.910</u>	<u>1.088.623.645.408</u>	<u>1.257.521.411.033</u>	<u>295.398.018.285</u>
Trong đó				
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	2.911.603.713			3.437.484.786
Thuế và các khoản phải trả Nhà Nước	467.207.387.623			298.835.503.071

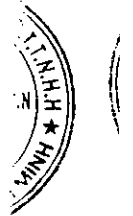
02
NH
Y
UU
TI
AM
SC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự án Biển Đông	732.221.815.734	169.474.737.873
Dự án Chim Sáo	13.043.141.151	14.431.935.529
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	96.572.281.670	96.613.931.670
Dự án Booster Compressor	31.064.607.924	40.395.946.700
Chi phí hoạt động tàu địa chấn 2D/3D	29.449.438.658	68.307.516.422
Lãi vay phải trả	126.006.317.101	243.989.281.474
Dự án Thăng Long - Đông Đô	21.473.114.150	11.597.900.321
Chi phí nhượng bán tàu Ruby Princess	439.403.602	20.319.272.698
Asian Geos (s) Pte Ltd	-	57.771.673.331
Dự án Hải Sư Trắng Đen	1.180.730.819.184	12.127.452.092
Dự án Ruby Gaslift	-	10.634.432.305
Chi phí hoạt động tàu Ruby II	17.184.084.665	23.339.364.721
Trích trước chi phí dự án Mộc Tinh	-	16.549.885.742
Chi phí dịch vụ cần cứu hộ cần thực hiện cho Vietgazzprom	-	17.468.610.224
Chi phí marketing	6.486.204.268	11.564.766.162
Dự án Sư tử Nâu	150.875.314.819	-
Chi phí dịch vụ phải trả PTSC SEA	52.108.685.845	-
Tạm trích giá vốn tàu SK Proactive	18.175.104.000	-
Chi phí dịch vụ ROV thuê ngoài	62.229.660.171	-
Trích trước giá vốn dịch vụ tàu và cảng	23.260.167.004	-
Chi phí sửa chữa tuyến tổng 26 dự án BD WP 2&3	19.256.150.326	-
Chi phí chế tạo Spreader bar cấp cho Subsea Seven	19.532.079.341	-
Chi phí dịch vụ khảo sát địa chấn 3D thuê ngoài	552.946.044.304	-
Chi phí thực hiện dịch vụ tàu Amadus và BM 02	102.107.043.552	-
Trích trước chi phí lương	53.156.482.436	-
Chi phí phải trả khác	88.998.820.735	89.475.579.791
	<u>3.397.316.780.640</u>	<u>904.062.287.055</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN")	818.598.747.461	965.729.216.010
Công ty Cổ phần PVI	-	6.292.463.918
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	9.629.593.375	111.000.000.000
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam ("Vinashin")	393.234.417.178	386.515.160.668
Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP)	211.000.000.000	208.150.000.000
Công ty Lan Phương	14.805.372.080	14.164.431.552
Gulf Marine Far East (Pte) Ltd	5.476.978.299	17.539.076.374
Doanh thu chưa thực hiện	4.165.600.000	14.440.746.597
Tiền lương thưởng phải trả người lao động	58.745.990.229	34.454.934.086
Công ty TNHH một thành viên Cảng Thanh Hóa (thuộc UBND Thanh Hóa)	39.338.750.137	39.338.750.137
Phải trả cổ tức các cổ đông ngoài PVN	229.606.031.323	6.022.862.173
Halliburton International Inc	5.813.994.704	-
Phải trả cổ tức cho liên doanh CCGV Holding BV	35.862.223.573	-
Công ty quản lý tài sản Á Châu	6.329.386.118	-
CN Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	7.321.205.708	-
Khác	139.751.262.366	130.123.937.751
	<u><u>1.979.679.552.551</u></u>	<u><u>1.933.771.579.266</u></u>

Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm các khoản chính như tạm ứng cổ tức năm 2012 là 153 tỷ đồng, giá trị chuyển nhượng Nhà máy đóng tàu Nhơn Trạch 355,6 tỷ đồng và số phải trả đến hạn trong năm 2012 của giá trị chuyển nhượng cảng Nghi Sơn – Thanh Hóa với số tiền là 281,83 tỷ đồng.

Khoản phải trả Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP) là số tiền phải trả liên quan tới dịch vụ thuê tàu FPSO.

Phải trả Vinashin là khoản thanh toán đợt cuối chi phí đóng mới công trình kho nổi chứa dầu FSO5.

Phải trả cổ tức cho các cổ đông ngoài PVN bao gồm lợi nhuận năm 2012 chưa thực hiện thủ tục để trả cho các cổ đông là 223,35 tỷ đồng và cổ tức được chia của các năm trước mà các cổ đông chưa lưu ký chưa làm thủ tục để nhận là 6,25 tỷ đồng.

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NGƯỜI BÁN

Phải trả dài hạn người bán thể hiện khoản công nợ liên quan đến giá trị chuyển nhượng tàu Bình Minh 02 từ Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí. Khoản nợ này được thanh toán đều trong vòng 8 năm với số tiền 66.267.935.110 đồng/năm, kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2011 và kết thúc vào ngày 01 tháng 01 năm 2018.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam	1.054.805.750.212	1.356.723.684.365
Đô la Mỹ	2.812.806.750.662	3.011.094.916.794
	<u>3.867.612.500.874</u>	<u>4.367.818.601.159</u>

Vay dài hạn bằng Đồng Việt Nam bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương, Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam. Các khoản vay này có lãi suất vay từ 4,1%/năm đến 14,8%/năm.

Vay dài hạn bằng Đô la Mỹ bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Mitsubishi, Ngân hàng Indovina, Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, Ngân hàng Việt Nga, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Bangkok, Ngân hàng Natixis, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam. Các khoản lãi vay này có lãi suất vay từ 1,7%/năm đến 5,65%/năm.

Các khoản vay dài hạn được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoặc bảo đảm bằng tài sản và chi phí xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ các khoản vay như đã trình bày trong Thuyết minh số 8 hoặc không có bảo đảm.

Số dư các khoản vay bằng Đô la Mỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 tương đương 133.242.214 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 144.659.856,68 Đô la Mỹ).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng 1 năm	1.014.203.308.990	1.021.039.085.179
Năm thứ 2	853.519.091.236	968.825.591.162
Từ 3 năm đến 5 năm	1.883.454.677.426	2.161.583.729.615
Trên 5 năm	116.435.423.222	216.370.195.203
Trừ số vay dài hạn phải trả trong vòng 1 năm (trình bày như vay ngắn hạn (Thuyết minh số 15))	<u>1.014.203.308.990</u>	<u>1.021.039.085.179</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>2.853.409.191.884</u>	<u>3.346.779.515.980</u>

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng bảo hành các công trình dầu khí tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÁU B 09 - DN/HN**22. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Lợi nhuận chưa thực hiện VND	Khấu hao TSCĐ VND	Lợi nhuận từ công ty liên doanh VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2012	95.165.077.292	(5.145.653.324)	-	29.311.793.885	(125.230.033.513)	(5.898.815.660)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(61.656.370.452)	(2.100.163.739)	5.576.953.747	71.327.400.639	28.686.261.540	41.834.081.735
Tại ngày 31/12/2012	33.508.706.840	(7.245.817.063)	5.576.953.747	100.639.194.524	(96.543.771.973)	35.935.266.075
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(5.556.404.293)	(14.465.776.559)	(4.535.553.747)	(10.262.724.431)	(40.981.601.282)	(75.802.060.312)
Tại ngày 30/6/2013	27.952.302.547	(21.711.593.622)	1.041.400.000	90.376.470.093	(137.525.373.255)	(39.866.794.237)

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập báo cáo tài chính.

	30/6/2013	31/12/2012
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(159.236.966.877)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	119.370.172.640	-
	(39.866.794.237)	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, các công ty con của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC và Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ có các khoản lỗ tính thuế là 446.965.951.213 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 444.118.053.328 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận tương lai. Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC và Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai. Khoản lỗ này có thể được mang sang trong thời hạn tối đa 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ, theo đó, khoản lỗ này sẽ hết hạn lần lượt vào năm 2017 và 2018 với số tiền là 435.682.743.207 đồng và 11.283.208.006 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cổ phần	30/6/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	446.700.421	312.692.241
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	446.700.421	297.802.094
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	446.700.421	297.802.094

Công ty mẹ chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường số 879/NQ-DVĐK-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 10 năm 2012, các cổ đông của Công ty mẹ đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty mẹ từ 2.978 tỷ đồng lên 4.467 tỷ đồng bằng việc phát hành 148.901.047 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, 44.670.314 cổ phần được phát hành cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển theo tỷ lệ thực hiện quyền là 20:03 (tại ngày chốt quyền, cổ đông sở hữu 20 cổ phần sẽ được nhận 03 cổ phần mới) và 104.230.733 cổ phần được phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu với giá bán là 10.000 đồng/cổ phần với tỷ lệ thực hiện quyền là 20:07 (tại ngày chốt quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được phân phối 01 quyền mua và cổ đông sở hữu 20 cổ phần được mua 07 cổ phần mới). Ngày 07 tháng 3 năm 2013, Hội đồng Quản trị của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ban hành nghị quyết số 158/NQ-DVKT-HĐQT về việc phê duyệt kết quả phát hành cổ phần năm 2012. Theo đó, tổng số cổ phần đã phân phối thêm là 148.898.327 cổ phần, trong đó phát hành cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là 44.667.594 cổ phần, cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền là 102.228.582 cổ phần, còn lại là cổ phần dôi dư đã được bán cho các cán bộ chủ chốt có nhiều cống hiến theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số cổ phiếu này đã được niêm yết bổ sung theo quyết định số 75/QĐ-SGDHN ngày 26 tháng 3 năm 2013 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty mẹ là 4.467.004.210.000 đồng (năm 2012: 3.000.000.000 đồng). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Tại ngày 30/6/2013		Tại ngày 31/12/2012	
	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51,38	2.295.000.000.000	51,38	1.530.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	5,84	260.945.000.000	5,85	174.078.000.000
Nhóm quỹ FTIF-Templeton	6,14	274.181.740.000	-	-
Frontier Markets				
Các cổ đông khác	36,64	1.636.877.470.000	42,77	1.273.942.940.000
	100,00	4.467.004.210.000	100,00	2.978.020.940.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

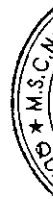
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU B 09 - DN/HN****Thay đổi của vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Các quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2012	2.978.020.940.000	486.293.000.000	-	(765.929.671)	799.432.614.452	1.650.494.317.203	5.913.474.941.984
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.118.432.730.050	1.118.432.730.050
Phân phối lợi nhuận	-	-	13.847.484.577	-	403.058.690.018	(607.938.165.088)	(191.031.990.493)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(595.604.188.000)	(595.604.188.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	765.929.671	-	-	765.929.671
Tặng/Giảm khác	-	(70.848.485)	(2.479.288.109)	-	(663.391.909)	3.092.747.114	(120.781.389)
Tại ngày 31/12/2012	2.978.020.940.000	486.222.151.515	11.368.196.468	-	1.201.827.912.561	1.568.477.441.279	6.245.916.641.823
Tặng vốn điều lệ	1.488.983.270.000	(446.675.940.000)	-	-	-	-	1.042.307.330.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	542.204.283.143	542.204.283.143
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	145.677.698.472	(309.814.421.463)	(164.136.722.991)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(521.152.304.500)	(521.152.304.500)
M&C tăng vốn điều lệ từ vốn và quỹ khác	-	-	(10.123.134.893)	-	(3.593.293.177)	13.716.428.070	-
Tặng khác	-	-	619.204.129	-	219.791.793	3.788.921.437	4.627.917.359
Tại ngày 30/6/2013	4.467.004.210.000	39.546.211.515	1.864.265.704	-	1.344.132.109.649	1.297.220.347.966	7.149.767.144.834

Theo Nghị quyết số 323/QĐ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, các cổ đông của Công ty mẹ đã phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức của năm 2012 là 15% trên mệnh giá cổ phiếu, trích quỹ dự phòng tài chính là 38,32 tỷ đồng, trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi là 114,96 tỷ đồng, trích quỹ đầu tư phát triển là 91,98 tỷ đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty mẹ đã thực hiện chi trả 10% cổ tức của năm 2012 và đang thực hiện các thủ tục để chi trả 5% cổ tức còn lại cho các cổ đông theo nội dung của nghị quyết số 323/QĐ-DVKT-ĐHĐCĐ đã ban hành và đã thực hiện trích lập các quỹ theo nghị quyết nêu trên.

Trong kỳ, các công ty con đã trích lập các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính và các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu với tổng số tiền là 62,109 tỷ đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2012.



Handwritten signature

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN

24. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tư động hóa Dầu khí	Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư KT Cảng Phước An	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Tổng
Vốn điều lệ của công ty con (đồng)	400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	330.000.000.000	42.352.900.000	440.000.000.000	1.171.498.641.420	3.633.851.541.420
<i>Trong đó:</i>										
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty (đồng)	339.807.000.000	102.000.000.000	285.581.000.000	208.645.000.000	218.773.000.000	167.000.000.000	18.360.000.000	250.000.000.000	597.817.104.000	2.187.983.104.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số (đồng)	60.193.000.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	163.000.000.000	23.992.900.000	190.000.000.000	573.681.537.420	1.445.868.437.420
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	15,05%	49,00%	4,81%	40,39%	45,31%	49,39%	56,65%	43,18%	48,97%	

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ như sau:

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tư động hóa Dầu khí PVTECH	Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư KT Cảng Phước An	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Tổng cộng
Lợi nhuận/ (lỗ) trong kỳ (đồng)	42.714.209.000	16.733.333.848	5.939.454.919	13.400.292.656	1.336.438.911	1.948.941.447	(647.581.032)	52.384.340	81.023.056.262	135.699.945.039
Lợi nhuận/ (lỗ) của cổ đông thiểu số (đồng)	6.427.740.956	8.199.333.586	285.470.002	(5.411.995.338)	605.497.036	962.638.957	(366.854.382)	22.620.510	39.676.897.471	50.401.368.798

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	1.962.394.638.147	355.203.885.704	787.604.609.824	459.213.663.381	582.333.683.247	76.706.615.675	467.997.085.650	2.791.847.025.588	7.932.773.827.517				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quang Ngãi	1.503.964.464.912	134.140.706.726	890.818.508.537	112.727.519.687	270.761.723.713	39.922.314.516	18.163.118.824	1.368.552.834.700	4.384.233.129.711				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Khai thác Dầu khí PTSC	458.430.173.235	221.063.178.978	103.213.898.713	346.486.143.694	404.290.682.205	36.784.301.159	449.833.966.826	1.423.294.190.888	3.548.540.697.806				
<i>Chi tiết như sau:</i>													
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	42.352.900.000	440.000.000.000	1.171.498.641.420	3.633.851.541.420				
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-	(140.000.000)				(140.000.000)
Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	7.644.654.711				7.644.654.711
Quý đầu tư phát triển	8.715.964.235	1.538.742.623	2.488.791.808	9.300.175.388	2.780.464.227	600.845.390	1.379.953.090	-	26.824.936.761				
Quý dự phòng tài chính	7.000.000.000	2.771.102.507	2.218.458.743	581.260.962	173.779.067	448.600.139	689.976.544	-	13.883.177.962				
Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	448.600.139				448.600.139
Lợi nhuận chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	42.714.209.000	16.733.333.848	(407.921.149.264)	(13.395.292.656)	1.336.438.911	(7.066.644.509)	119.382.481	251.795.549.468	(133.972.213.187)				
Lợi ích của cổ đông thiểu số													
<i>Chi tiết như sau:</i>													
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.193.000.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	23.992.900.000	190.000.000.000	573.681.537.420	1.445.868.437.420				
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-	(69.151.515)				(69.151.515)
Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	3.301.100.898				3.301.100.898
Quý đầu tư phát triển	1.311.640.088	763.783.885	119.619.630	3.756.075.120	1.259.737.976	340.378.660	595.888.834	-	8.147.084.193				
Quý dự phòng tài chính	1.053.377.500	1.357.840.228	106.626.522	234.754.695	78.733.647	254.131.790	297.944.417	-	3.383.408.799				
Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	254.131.790				254.131.790
Lợi nhuận chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	6.427.740.956	8.199.333.586	(19.606.050.171)	(5.409.975.981)	605.497.036	(4.003.251.136)	51.551.526	123.303.990.997	100.335.653.189				
	68.985.718.544	108.320.957.699	(4.960.804.019)	139.935.853.834	183.170.968.659	20.838.291.104	194.246.485.675	696.985.528.417	1.561.420.664.774				

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU B 09 - DN/HN****25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành bảy bộ phận kinh doanh với hoạt động chủ yếu như sau:

Bộ phận kinh doanh

Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí

Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPPO

Dịch vụ khảo sát địa chấn địa chất công trình và khảo sát

sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV

Cung cấp dịch vụ cẩu cở cảng

Cơ khí, đóng mới và xây lắp

Sửa chữa, vận hành và lắp đặt

Cung cấp các dịch vụ khác

Hoạt động

Cho thuê và cho thuê lại tàu dịch vụ dầu khí

Dịch vụ cung cấp kho nổi, chứa, xử lý và xuất dầu thô

Cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo

sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV

Cung cấp dịch vụ cẩu cở cảng, cho thuê văn phòng và cung cấp dịch vụ

khác có liên quan

Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí

Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu

Cung cấp các dịch vụ khác phục vụ cho ngành dầu khí

Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo bảy bộ phận kinh doanh này tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí		Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPPO		Dịch vụ cẩu cở cảng		Cơ khí, đóng mới và xây lắp		Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển		Loại trừ	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
Tài sản												
Tài sản bộ phận	3.085.281.446.159	2.960.301.112.874	4.646.752.429.488	4.682.362.998.407	8.185.133.280.401	2.230.489.778.418	505.734.901.781	(4.508.537.703.234)	21.787.518.244.294			
Lãi từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	573.623.527.364			
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	1.825.389.855.316			
Tổng tài sản hợp nhất									<u>24.186.531.626.974</u>			
Nợ phải trả												
Nợ phải trả bộ phận	3.131.581.534.911	1.134.154.810.100	3.004.275.807.239	2.761.819.582.354	6.813.118.570.877	2.391.587.444.325	120.696.956.468	(4.508.537.703.234)	14.848.697.003.040			
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	626.628.576.619			
Tổng nợ phải trả hợp nhất									<u>15.475.325.579.659</u>			

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU B 09 - DN/HN**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	Dịch vụ tàu kỹ thuật đầu khí dầu thô FSO/FFSO	Dịch vụ cung ứng tàu chữa và xử lý đầu khí dầu thô FSO/FFSO	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV	Dịch vụ càn cứ căng	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo đường, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu									
Doanh thu thuần từ bán ra bên ngoài	2.112.852.352.032	406.557.207.142	1.538.864.394.121	603.237.820.506	5.738.057.216.549	531.944.486.382	693.018.880.610	-	11.624.532.357.342
Doanh thu thuần từ bán cho các bộ phận khác	96.693.802.403	22.293.759.942	385.116.438.766	94.638.335.390	17.595.027.143	1.130.583.113.801	109.427.553.180	(1.856.348.030.625)	-
Tổng doanh thu	2.209.546.154.435	428.850.967.084	1.923.980.832.887	697.876.155.896	5.755.652.243.692	1.662.527.600.183	802.446.433.790		13.480.880.387.967
Giá vốn									
Giá vốn bán ra bên ngoài	1.862.064.631.003	357.221.852.345	1.301.837.083.061	466.949.466.665	5.496.997.792.313	440.114.496.843	682.186.209.524	-	10.607.371.531.754
Giá vốn bán cho các bộ phận khác	96.693.802.403	22.293.759.942	385.116.438.766	94.638.335.390	17.595.027.143	1.130.583.113.801	65.937.270.664	(1.812.857.748.109)	-
Tổng giá vốn	1.958.758.433.406	379.515.612.287	1.686.953.521.827	561.587.802.055	5.514.592.819.456	1.570.697.610.644	748.123.480.188		12.420.229.279.863
Lợi nhuận gộp									
Lợi nhuận gộp bộ phận	250.787.721.029	49.335.354.797	237.027.311.060	136.288.353.841	241.059.424.236	91.829.989.539	10.832.671.086	-	1.017.160.825.588
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý									362.732.825.266
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính									11.770.342.974
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh									666.178.343.296
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác									35.782.232.682
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết									125.431.739.764
Lợi nhuận trước thuế									827.392.315.742
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp									158.984.603.489
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại									75.802.060.312
Lợi nhuận trong kỳ									<u>592.605.651.941</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 <u>VND</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	1.403.619.879.599	3.391.635.961.855
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.891.974.402.769	2.350.767.114.172
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	4.329.361.222.517	5.686.747.102.033
	<u>11.624.955.504.885</u>	<u>11.429.150.178.060</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Giảm giá hàng bán	423.147.543	-
	<u>11.624.532.357.342</u>	<u>11.429.150.178.060</u>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

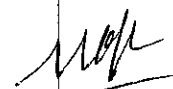
	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 <u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.342.479.963.043	3.223.119.602.839
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.100.420.777.078	1.892.020.128.422
Giá vốn hợp đồng xây dựng	4.164.470.791.633	5.386.836.843.239
	<u>10.607.371.531.754</u>	<u>10.501.976.574.500</u>

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.396.147.160.782	5.533.451.874.190
Chi phí nhân công	792.552.922.148	1.200.691.864.267
Chi phí khấu hao tài sản cố định	492.463.998.235	646.054.436.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.515.096.344.649	6.640.699.555.753
Chi phí khác	330.781.544.834	527.457.184.856
	<u>12.527.041.970.648</u>	<u>14.548.354.915.334</u>

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 <u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	113.790.558.665	179.957.921.945
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.110.293.097	40.692.109.203
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.309.485.181	1.342.361.267
	<u>125.210.336.943</u>	<u>221.992.392.415</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí lãi vay	82.888.477.777	117.095.610.775
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.398.750.737	27.379.775.345
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.152.412.769	8.904.188.210
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	14.757.414.154
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	863.951.047	644.051.699
Chi phí tài chính khác	22.136.401.639	21.317.851.910
	113.439.993.969	190.098.892.093

31. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	651.721.678	553.031.468
Thu từ bồi thường	221.645.764	2.331.700
Liên doanh MVOT trả chi phí thành lập	-	6.559.591.148
Chênh lệch do định giá tài sản	6.903.284.511	23.084.752
Chênh lệch giá trị tài sản đem đi góp vốn	-	27.718.698.422
Thu nhập cung cấp nhân sự quản lý cho MVOT từ năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012	25.258.369.270	-
Hoàn nhập dự phòng chi phí thanh lý tàu Ruby Princess	20.319.272.698	-
Các khoản thu nhập khác	4.989.850.487	20.650.996.646
	58.344.144.408	55.507.734.136

32. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Phạt, bồi thường	8.508.069.384	31.248.274
Chi thanh lý tài sản cố định	-	168.884.700
Trích trước chi phí vật tư tàu Bình Minh 02	-	23.909.032.056
Chi phí dự án Cảng quốc tế PVTrans	5.833.899.600	-
Các khoản chi phí khác	8.219.942.742	7.588.601.850
	22.561.911.726	31.697.766.880

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. PHÂN LỢI NHUẬN THUẬN TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	(47.836.123.552)	747.528.912
Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	10.184.833.272	9.215.024.281
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited	61.831.294.058	60.209.335.557
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	11.070.232.711	56.203.895.618
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	(1.365.810.179)	359.602.231
Công ty Cổ phần Bảo vệ An ninh Dầu khí	945.435.487	811.793.084
Công ty Liên doanh PTSC SEA	84.403.669.250	-
Công ty Liên doanh PTSC AP	6.221.340.325	-
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp - Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà	(23.131.608)	-
	125.431.739.764	127.547.179.683

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	827.392.315.742	793.258.148.499
<i>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</i>		
Các khoản điều chỉnh giảm	(572.890.303.226)	(244.922.806.992)
Các khoản điều chỉnh tăng	376.718.588.617	257.235.803.064
Thu nhập chịu thuế	631.220.601.133	805.571.144.571
Thuế thu nhập doanh nghiệp	158.373.069.359	201.392.536.178
Giảm trừ thuế	(663.070.063)	(51.996.277)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	1.156.211.061	2.156.050.827
Điều chỉnh theo pháp luật thuế	118.393.132	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	158.984.603.489	203.496.590.728

Công ty mẹ và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty (đồng)	542.204.283.143	590.018.883.514
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	542.204.283.143	590.018.883.514
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	408.693.634	297.802.094
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	<u>1.327</u>	<u>1.981</u>

36. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê tàu hoạt động; thuê đất tại Vũng Tàu với mục đích làm văn phòng cho Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí và Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC; thuê đất với mục đích kinh doanh dịch vụ Cảng của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ; thuê tài sản với mục đích kinh doanh dịch vụ khách sạn của Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC không hủy ngang với tổng số tiền thuê là 2.197.908 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.408.481 triệu đồng).

Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 đến 5 năm tính từ năm 2013. Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với kỳ hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002. Thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài sản đến năm 2021.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 20, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản vay	3.867.612.500.874	4.596.448.877.047
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6.235.853.143.965	5.709.908.975.761
Nợ thuần	(2.368.240.643.091)	(1.113.460.098.714)
Vốn chủ sở hữu	7.149.767.144.834	6.245.916.641.823
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>(0,33)</u>	<u>(0,18)</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.235.853.143.965	5.709.908.975.761
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.349.992.303.407	5.394.850.536.165
Đầu tư tài chính	244.871.766.634	438.339.959.633
Các khoản ký quỹ	9.059.849.735	17.044.722.211
Tổng cộng	<u>13.839.777.063.741</u>	<u>11.560.144.193.770</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.867.612.500.874	4.596.448.877.047
Phải trả khách hàng và phải trả khác	5.383.958.117.318	5.425.198.050.384
Chi phí phải trả	3.397.316.780.640	904.062.287.055
Nhận ký quỹ, ký cược	586.321.250	-
Tổng cộng	<u>12.649.473.720.082</u>	<u>10.925.709.214.486</u>

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	8.522.720.214.050	4.496.298.088.541	6.176.307.958.930	8.401.409.261.939
Bông Anh (GBP)	66.009.189	1.968.600.607	233.727.879	2.587.225.777
Euro (EUR)	540.901.755	540.638.197	2.699.879.345	1.020.562.713
Đô la Singapore (SGD)	-	-	3.962.715.341	3.172.170.067
Kroner Na Uy (NOK)	-	-	1.060.368.706	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng 5% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tổng Công ty sẽ tăng các khoản tương ứng như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	117.320.612.756	(70.178.345.247)

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ giảm/tăng 77.352.250.017 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 sẽ giảm/tăng 94.512.815.590 đồng).

Quản lý rủi ro về giá các khoản đầu tư

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.



Handwritten signature or initials.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
30/6/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.235.853.143.965	-	-	6.235.853.143.965
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.349.992.303.407	-	-	7.349.992.303.407
Đầu tư tài chính	-	244.871.766.634	-	244.871.766.634
Các khoản ký quỹ	6.346.728.516	2.713.121.219	-	9.059.849.735
Tổng cộng	13.592.192.175.888	247.584.887.853	-	13.839.777.063.741
30/6/2013				
Các khoản vay	1.014.203.308.990	2.736.973.768.662	116.435.423.222	3.867.612.500.874
Phải trả người bán và phải trả khác	4.818.043.876.879	565.914.240.439	-	5.383.958.117.318
Chi phí phải trả	3.397.316.780.640	-	-	3.397.316.780.640
Nhận ký quỹ, ký cược	586.321.250	-	-	586.321.250
Tổng cộng	9.230.150.287.759	3.302.888.009.101	116.435.423.222	12.649.473.720.082
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.362.041.888.129	(3.055.303.121.248)	(116.435.423.222)	1.190.303.343.659

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.709.908.975.761	-	-	5.709.908.975.761
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.394.850.536.165	-	-	5.394.850.536.165
Đầu tư tài chính	164.164.431.552	274.175.528.081	-	438.339.959.633
Các khoản ký quỹ	14.403.064.355	2.641.657.856	-	17.044.722.211
Tổng cộng	11.283.327.007.833	276.817.185.937	-	11.560.144.193.770
30/6/2013				
Các khoản vay	1.249.669.361.067	3.130.409.320.777	216.370.195.203	4.596.448.877.047
Phải trả người bán và phải trả khác	4.931.529.759.009	493.668.291.375	-	5.425.198.050.384
Chi phí phải trả	904.062.287.055	-	-	904.062.287.055
Tổng cộng	7.085.261.407.131	3.624.077.612.152	216.370.195.203	10.925.709.214.486
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.198.065.600.702	(3.347.260.426.215)	(216.370.195.203)	634.434.979.284

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	625.554.689.157	4.721.931.566
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	2.159.435.441.027	228.985.574.202
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (DQS)	5.019.045.343	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	115.047.521.265	118.680.893.531
Tổng Công ty CP Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	3.269.136.616	2.745.026.740
Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	66.295.777.234	45.381.751.648
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans)	3.675.324.685	3.548.987.818
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	1.572.036.526	61.841.416.887
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	1.590.401.094	38.701.708.987
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	19.645.455.091	16.456.201.816
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	1.828.912.248	64.324.471.726
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo)	1.742.858.224	1.761.133.016
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	557.504.403.949	244.187.805.291
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí (PVMTC)	24.330.704.366	12.693.163.462

Chi phí lãi vay

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	27.496.244.575	56.799.798.905
---	----------------	----------------

Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 [*] đến 30/6/2012 VND
Hội Đồng Quản trị	2.712.666.986	3.805.667.000
Ban Tổng Giám đốc	2.182.402.429	2.310.543.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các khoản phải thu	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Long Phú Sông Hậu (LPSH)	442.604.604.302	-
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất (DQR)	31.776.748.966	45.884.679.815
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	13.682.291.744	4.236.783.967
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	665.498.125.041	122.391.093.472
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (DQS)	1.669.552.561	1.397.854.766
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	35.937.562.518	41.795.660.956
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	613.901.200	-
Tổng Công ty CP Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	3.727.482.854	6.958.052.089
Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	47.879.204.393	57.985.654.597
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans)	2.528.400.513	1.743.049.408
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	2.589.330.210	9.677.751.997
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	277.161.541	5.041.058.704
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	6.447.146.585	13.829.552.614
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo)	5.429.697.600	10.312.682.691
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	5.460.751.138	8.216.977.068
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	245.154.703.864	152.233.968.707
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (PVE)	7.432.781.848	13.169.281.848
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí (PVMTC)	15.782.520.394	3.675.147.624
Các khoản phải thu khác		
Cơ quan Tập đoàn	-	199.548.256.261
Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Long Phú Sông Hậu (LPSH)	556.284.941.100	542.635.104.180
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (DQS)	366.062.461.416	366.062.461.416
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.765.402.982	1.502.213.982
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	146.526.453.188	-
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	101.439.305.797	-
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí (PVFC)	77.781.666	224.157.274.969
Trả trước cho người bán		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (PVE)	8.398.650.388	-
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	1.301.175.000	1.301.175.000

002-
NH
TY
HUUH
TE
AM
6C

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản phải trả người bán

Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất (DQR)	-	2.690.694.277
Cơ quan Tập đoàn	-	17.820.000.000
Công ty CP PVI	5.721.037.474	10.008.756.684
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	41.615.757.670	17.988.405.168
Tổng Công ty CP Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	48.138.713.904	43.534.275.816
Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	21.600.113.038	46.599.219.088
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	30.746.659.208	12.025.516.304
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	9.589.873.579	8.558.360.780
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	41.963.145.740	15.950.000
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	2.551.158.550	2.029.404.270
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	335.282.870.267	401.206.346.350
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí (PVMTC)	10.723.487.805	9.399.808.133

Các khoản phải trả khác

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	836.418.747.461	965.844.419.124
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	-	6.292.463.918
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	9.629.593.375	111.000.000.000
Công ty TNHH MTV Điều hành thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	8.713.872.219	8.713.872.219
CN Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	7.321.205.708	7.138.091.972
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	-	2.007.424.886

Người mua trả trước


Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Long Phú Sông Hậu (LPSH)	1.326.663.278.497	1.262.298.859.827
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	183.234.827.750	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	173.645.399.729	-
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất (DQR)	2.097.702.433	2.097.702.433
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	77.124.500.000	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	80.945.092.418	77.359.324.212

Vay ngắn hạn

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	264.784.884.809	492.216.761.506
---	-----------------	-----------------

Vay dài hạn

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	437.305.132	975.802.034.825
---	-------------	-----------------


Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởngPhan Thành Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2013

